

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI TH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS - ST
Ngày 23 - 5 - 2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Th phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Bá.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Ánh Khôi
2. Ông Dương Minh Ngọc

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Võ A, sinh năm 1980.

Bà Trần Thị Th, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Khối 3, thị trấn NT, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của ông A, bà Th: Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường H, quận L, Th phố Đà Nẵng – Là đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022*). Có mặt.

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963.

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: thôn A, xã TQ, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Bà H có mặt; ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2022; bản trình bày ngày 05/12/2022 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn Nh trình bày: Vào ngày 23/10/2017 ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị H có vay của ông Võ A và bà Trần Thị Th số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập thành văn bản "*Giấy mượn tiền*", theo thỏa thuận của văn bản vay

tiền thì vợ chồng ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền vay vào tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông V, bà H không có khả năng trả nợ một lần nên hứa hẹn sẽ trả nhiều lần số tiền nợ trên. Ngày 01/4/2018, ông V, bà H trả nợ 80.000.000 đồng; ngày 20/6/2018 ông V, bà H trả nợ 50.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 370.000.000 đồng; ngày 19/9/2022 ông V, bà H trả nợ số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ mà ông V, bà H còn nợ ông A, bà Th là 368.000.000 đồng. Nhận thấy, việc ông V, bà H không trả nợ vay đúng hạn đã thỏa thuận nên ông A, bà Th khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 368.000.000 đồng và trả nợ lãi theo quy định của Bộ luật dân sự tính từ ngày 19/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (23/5/2023). Cụ thể số tiền lãi như sau: 368.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng 04 ngày; tương ứng với số tiền là 24.841.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả là 392.841.000 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Tại văn bản trình bày ngày 29/11/2022, biên bản lấy lời khai cùng ngày, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng bà quen biết với vợ chồng ông Võ A và bà Trần Thị Th nên có vay của ông A, bà Th số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Việc vay tiền được lập thành văn bản, vợ chồng bà có ký vào “*Giấy mượn tiền*” và đã nhận số tiền vay đầy đủ. Tuy “*Giấy mượn tiền*” không ghi lãi vay nhưng thực tế lãi suất mà các bên thỏa thuận khi vay là 3%/tháng. Đến hạn trả nợ vợ chồng bà tuy gặp khó khăn nhưng đã trả cho ông Võ A, bà Trần Thị Th nhiều lần, số tiền tổng cộng đã trả nợ gốc 132.000.000 đồng và có ghi vào bên dưới giấy mượn tiền; Về nợ lãi thì vợ chồng bà đã trả 70.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì về việc trả tiền lãi này.

Khi vay các bên không có thế chấp tài sản nhưng đến hạn trả nợ vợ chồng bà không có điều kiện trả nợ nên ông A, bà Th đề nghị bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở để vay tiền Ngân hàng trả nợ. Việc vay tiền của Ngân hàng không thực hiện được nhưng ông A, bà Th vẫn đang giữ giấy tờ nhà, đất mà không trả lại cho bà.

Nay vợ chồng ông A, bà Th khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền nợ gốc và lãi là 392.841.000 đồng. Bà thừa nhận khoản nợ và sẽ trả nợ cho ông A, bà Th. Nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà đề nghị được trả theo khả năng có thể, rất mong vợ chồng ông A, bà Th chấp nhận. Ngoài ra, hiện nay có một số người đang nợ bà nên bà sẽ cố gắng đòi nợ và thu được nợ bao nhiêu sẽ trả cho ông A, bà Th cho dứt điểm khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, đã tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhưng vẫn không tham gia phiên tòa ngày 04/5/2023, vi phạm khoản 15 Điều 70 BLTTDS 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào “*Giấy mượn tiền*”, số tiền vay, số tiền trả, số tiền chậm trả đã được các bên thừa nhận thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ và lãi vay theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, Căn cứ Điều 280, 463, 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ A, bà Trần Thị Th, tuyên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H phải thanh toán nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 368.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2022 đến thời điểm xét xử (23/5/2023) với mức lãi suất 10%/năm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Võ A, bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H phải trả số tiền nợ vay và lãi vay theo “*Giấy mượn tiền*” lập ngày 23/10/2017. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã TQ, huyện N, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[1.3] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn V nhưng đây là lần triệu tập thứ hai và ông V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Nội dung tranh chấp: Vào ngày 23/10/2017 ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H vay của ông Võ A, bà Trần Thị Th số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay tiền có lập thành văn bản, theo thỏa thuận của văn bản vay tiền thì vợ chồng ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền vay vào tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông V, bà H không có khả năng trả nợ một lần nên đã trả nhiều lần, cụ thể: Ngày 01/4/2018, ông V, bà H trả nợ 80.000.000 đồng; ngày 20/6/2018 ông V, bà H trả nợ 50.000.000 đồng; ngày 19/9/2022 ông V, bà H trả nợ 2.000.000 đồng. Số tiền mà ông V, bà H còn nợ ông A, bà Th là 368.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 368.000.000 đồng và trả nợ lãi theo quy định của Bộ luật dân sự tính từ ngày 19/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền còn nợ 368.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền là 24.841.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả là 392.841.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và đã nhận được số tiền vay, các bên có lập văn bản là “*Giấy mượn tiền*” không ghi lãi suất vay nhưng theo thỏa thuận miệng giữa các bên thì lãi suất vay là 3%/tháng. Đến hạn trả nợ thì bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng, nợ lãi là 70.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu

cầu bị đơn trả nợ thì bị đơn thừa nhận nợ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả thành nhiều lần đến khi hết nợ.

[3] Xét “*Giấy mượn tiền*” ngày 23/10/2017 do ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H đã ký nhận. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bản chất của “*Giấy mượn tiền*” là Hợp đồng vay tài sản được xác lập bởi bên cho vay là nguyên đơn ông Võ A, bà Trần Thị Th và bên vay là bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H vào ngày 23/10/2017. Tại thời điểm giao kết các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự; sự thỏa thuận của các bên trong văn bản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Hợp đồng ký kết ngày 23/10/2017 giữa các bên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119, 398, 401, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 368.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Bị đơn bà Huỳnh Thị H thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ đã trả được số tiền 132.000.000 đồng. Sự thừa nhận của bị đơn bà Huỳnh Thị H phù hợp với lời khai nhận của nguyên đơn. Do vậy, mặc dù bị đơn ông V không có ý kiến trình bày nhưng Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định ông V, bà H còn nợ ông A, bà Th số tiền gốc là 368.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, bà Th buộc bị đơn ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 368.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lãi số tiền là 24.841.000 đồng với cách thức tính tiền lãi như sau: 368.000.000 đồng x 08 tháng 04 ngày (*Tính từ ngày bị đơn trả nợ lần gần nhất là ngày 19/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2023*) x lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận định: Theo thỏa thuận tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 23/10/2017 thì các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Bị đơn cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và bị đơn đã trả lãi với số tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng. Nguyên đơn không thừa nhận nội dung khai nhận của bị đơn và khẳng định việc vay tiền là không có lãi. Bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là căn cứ. Do đó, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của bị đơn cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không thể trả nợ đủ tiền cho nguyên đơn mà chỉ đề nghị được trả chậm cho đến khi chấm dứt nợ. Đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do đó, ý kiến của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ A, bà Trần Thị Th, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền là 392.841.000 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 368.000.000 đồng; số tiền nợ lãi là 24.841.000 đồng.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 19.642.000 đồng {392.841.000 đồng x 5%}. Trả lại cho ông Võ A, bà Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.238.000 đồng theo biên lai thu số 0011386 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ A, bà Trần Thị Th về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả nợ vay và lãi vay.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Võ A, bà Trần Thị Th số tiền 392.841.000 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc là 368.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám triệu đồng*); số tiền nợ lãi là 24.841.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.642.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm, bốn mươi hai nghìn đồng*).

- Trả lại cho nguyên đơn ông Võ A, bà Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.238.000 đồng (*Chín triệu, hai trăm, ba mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011386 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2023).

Ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Núi Thành
- Các đương sự
- Thi hành án.
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Công Bá